

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-PT

Ngày 18/01/2018

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Quyết Thắng**

Các Thẩm phán: **Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Thư ký phiên tòa: **Ông Lưu Việt Thắng**

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Ông Đỗ Đức Sơn - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2017/LHPT ngày 13 tháng 12 năm 2017.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2017/HNGĐ-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 264/2017/QĐ-PT ngày 21/12/2017, giữa:

* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Đình S - sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn 6, xã Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Vũ Quang Bá – Công ty Luật TNHH Khải Hưng, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội

* **Bị đơn:** Bà Đỗ Thị V - sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn 6, xã Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Đình T - sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn 6, xã Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội

- Chị Nguyễn Thị L - sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Chiền, xã Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn là ông Nguyễn Đình S trình bày:

Ông và bà Đỗ Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội vào năm 1987. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, vợ chồng tin tưởng nhau, sau một thời gian phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, bất đồng về quan điểm khiến cuộc sống trở nên bế tắc, không có hạnh phúc. Thời gian gần đây vợ chồng ông bà ngày càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Trong gia đình xảy ra bạo lực, ông bị vợ đánh, không cho dùng xe, không cho sử dụng điện khiến ông phải lắp công tơ điện riêng. Bà V còn chửi kết sất đi phá lấy hết một số giấy tờ của ông như giấy khai sinh, giấy xuất ngũ, giấy thu hồi

ruộng đất. Tuy đã được hai bên gia đình và họ hàng rất nhiều lần khuyên bảo và hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng đã hết. Tình trạng này kéo dài làm cho đời sống chung của hai vợ chồng luôn căng thẳng, mệt mỏi. Từ năm 2013 cho đến nay, do không thể tiếp tục chung sống, ông bà đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay ông S xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị được ly hôn bà V.

Về con chung: Vợ chồng ông có 2 con chung là chị Nguyễn Thị L - sinh năm 1988 và anh Nguyễn Đình T - sinh năm 1990. Chị L đã lập gia đình, anh T đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông bà có các tài sản chung như sau:

1. Đất thổ cư: Thửa đất số 9, diện tích 45m² tờ bản đồ KTĐC tại thôn 6, xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

2. Thửa đất số 613, tờ bản đồ số 7 diện tích 154m² tại thôn 6, xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Trong đó 118m² do cha ông để lại, còn 81m² là do hai vợ chồng tự mua.

3. Đất canh tác: Diện tích 432m² tại thôn Phương Viên, xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội (trong đó 240m² đất Cầu đường + 192m² Đất Cống).

4. Đất dịch vụ được chia do thu hồi đất theo Nghị định 17 tỉnh Hà Tây cũ: 49,5m² mới chỉ có quyết định.

5. Nhà cấp 4 ba gian xây dựng trên diện tích đất 154m².

6. Tường rào, giếng khoan, Bể ba khối.

7. Nhà cấp 4 mái tôn (hiện bà V và anh T đang ở).

8. Một xe máy Dream.

9. Một máy bơm nước Honda.

Về tài sản, ông S đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và có xem xét đến nguồn gốc hình thành tài sản.

Về đất dịch vụ, do chưa được cấp nên ông không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Ông xin rút yêu cầu về phân chia 01 xe máy Dream, 01 máy bơm nước Honda và các tài sản có trên đất thổ cư và đất nông nghiệp gồm: Nhà cấp 4 ba gian xây dựng trên diện tích đất 154m²; Tường rào, giếng khoan, Bể ba khối; Nhà cấp 4 mái tôn (hiện bà V và anh T đang ở), các loại cây cối có trên 02 thửa đất nông nghiệp. Các tài sản này hiện ai đang quản lý thì thuộc quyền sở hữu của người đó, ông không yêu cầu được phân chia giá trị.

Bị đơn là bà Đỗ Thị V trình bày:

Bà kết hôn với ông Nguyễn Đình S trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội năm 1987. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông S hay rượu chè, về nhà lại đánh chửi vợ con, còn lại vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nay ông S xin ly hôn, bà không đồng ý. Bà mong Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng bà có 2 con chung là chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988 và anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1990. Chị L đã lập gia đình, còn anh T đã trưởng thành.

Về tài sản chung vợ chồng: Do không đồng ý ly hôn nên bà V không kê khai và không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Về quan điểm của ông S kê khai và đề nghị về tài sản chung vợ chồng, bà không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị không đồng ý để bố mẹ ly hôn, chị mong Tòa án hòa giải để bố mẹ chị về đoàn tụ. Về tài sản chung, tài sản bố chị đã kê khai là của bố mẹ chị, chị không có nghĩa vụ đề cập tới.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đình T trình bày:

Anh không đồng ý để bố mẹ anh ly hôn, anh mong Tòa án hòa giải để bố mẹ anh về đoàn tụ. Về tài sản bố anh đã kê khai, anh xác định tài sản đó là của bố mẹ anh, anh không có nghĩa vụ đề cập tới.

Tại bản án số 19/2017/HNGĐ-ST ngày 20/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Hà Nội đã xử và quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình S, cho ông Nguyễn Đình S được ly hôn bà Đỗ Thị V.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988 và anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1990 đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung:

3.1. Giao ông Nguyễn Đình S được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản gồm:

- Thừa đất số 9, tờ bản đồ KTĐC, diện tích 45m² tại thôn 6, xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội và các tài sản có trên đất gồm móng gạch xây bao.

- 54m² đất thổ cư tại Thừa đất số 613, tờ bản đồ số 07 địa chỉ tại thôn 6, xã Song Phương huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội cùng các tài sản có trên đất.

- 48 m² đất nông nghiệp tại Khu Đất Cống.

Tổng giá trị tài sản ông S được hưởng là 1.788.000.000đ

3.2. Giao bà Đỗ Thị V được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản sau đây:

- 100m² đất thổ cư còn lại tại Thừa đất số 613, tờ bản đồ số 07, thôn 6, xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội và toàn bộ các tài sản có trên đất gồm: 01 nhà cấp 4 ba gian mái lợp ngói xây năm 1992; nhà cấp 4 một gian mái lợp tôn xây năm 2015, mái vẩy lợp tôn, bể nước, sân láng xi măng năm 2015, giếng khoan.

- 48m² đất nông nghiệp tại Khu Đất Cống.

Tổng giá trị tài sản bà V được hưởng là 1.896.000.000đ

Về ngôi nhà cấp 4 tại phần đất giao cho ông S và bà V cùng sử dụng, ai di chuyển trước phải có trách nhiệm đảm bảo kết cấu căn nhà cho người sử dụng sau.

3.3. Giao anh Nguyễn Đình T được sử dụng 336m² đất nông nghiệp tại khu Cầu Đường và Khu Cống và các cây cối có trên đất.

Việc phân chia tài sản có sơ đồ chi tiết kèm theo.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Đình S về việc yêu cầu chia 49,5m² đất dịch vụ, 01 xe máy Dream, 01 máy bơm nước Honda.

5. Về án phí:

- Ông Nguyễn Đình S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 65.640.000đ tiền án phí chia tài sản. Được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009779 ngày 16/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội. Ông S còn phải nộp tiếp 65.640.000đ.

- Bà Đỗ Thị V phải chịu 68.880.000đ tiền án phí dân sự về chia tài sản.

- Anh Nguyễn Đình T phải chịu 21.280.000đ tiền án phí dân sự về chia tài sản.

Ngày 02/10/2017, bà Đỗ Thị V kháng cáo với nội dung: Thừa đất số 9, tờ bản đồ KTĐC, diện tích 45m² có giá trị lớn về mặt kinh tế, nhưng quá trình định giá tài sản, các cơ quan định giá quá thấp so với giá trị thực tế của mảnh đất này. Bà đồng ý giao mảnh đất này cho ông S nhưng đề nghị định giá lại và ông S phải trả lại bà V 50% giá trị mảnh đất sau khi định giá lại.

Ngày 02/10/2017, anh Nguyễn Đình T kháng cáo với nội dung: Diện tích 336m² đất nông nghiệp tại khu Cầu Đường và khu Cống cùng các tài sản trên đất là tài sản của riêng anh được hưởng theo tiêu chuẩn Nhà nước giao nên không phải phân chia và không phải chịu án phí.

Tại biên bản lấy lời khai hồi 14 giờ 00 phút ngày 19/12/2017, dưới sự chứng kiến của anh Nguyễn Đình T - con trai đồng thời là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Đỗ Thị V rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, Bị đơn thay đổi quan điểm là không rút đơn kháng cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo.

Bà Đỗ Thị V trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đình S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Song Phương, huyện Hoài Đức, Hà Nội năm 1987. Trong quá trình sinh sống, gia đình chúng ông bà được giao 768m² đất nông nghiệp. Năm 2013, ông bà đã giao cho con gái (chị Nguyễn Thị L) 336m² đất nông nghiệp. Sau này, trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức giải quyết vụ án ly hôn giữa bà và ông S, ông bà đã cắt diện tích 336m² đất nông nghiệp giao cho con trai (anh Nguyễn Đình T). Còn lại 96m², Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức đã xử và quyết định chia cho mỗi bên vợ chồng diện tích 48m² đất nông nghiệp. Phần này bà không kháng cáo. Bà chỉ có thắc mắc về việc tại sao anh T đã được cắt 336m² mà phải đóng án phí.

Nội dung kháng cáo của bà là: Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức đã xét xử và giao cho ông S toàn bộ đất thổ cư tại thửa đất số 9, diện tích 45m², tờ bản đồ KTĐC tại thôn 6, xã Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội. Theo quan điểm của bà, mảnh đất này có giá trị lớn về kinh tế, nhưng kết quả định giá tại cấp sơ thẩm là quá thấp so với giá trị thực tế.

Trước đây khi làm việc với Tòa án, bà có rút đơn kháng cáo, nhưng nay bà lại không rút đơn nữa. Lý do là vì bà có nhiều thứ bệnh trong người, bị thiếu máu não nên lúc nhớ lúc quên. Khi Hội đồng định giá tiến hành định giá đất thì bà cũng có mặt. Bản thân bà không biết giá trị thực tế cụ thể của đất đai là bao nhiêu nhưng vẫn không đồng ý với kết quả định giá, bởi bà cho rằng giá đất hội đồng định giá quyết định là thấp. Tuy nhiên dù có yêu cầu định giá lại nhưng bà cũng cho biết là mình không có tiền để nộp. Bà chỉ đề nghị để Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Đình S trình bày:

Ngày 20/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức đã xử ly hôn giữa ông và bà Đỗ Thị V, đồng thời đã phân chia tài sản chung của vợ chồng. Bản án này ông không kháng cáo.

Về tình trạng đất nông nghiệp: Ngày 20/10/1999, UBND huyện Hoài Đức đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 429221 cho “Hộ ông Nguyễn Đình S” cho diện tích đất canh tác 1.250,4m² tại 337 KH thôn Phương Viên, xã Song Phương, huyện Hoài Đức, Hà Tây (nay là Hà Nội), gồm: 240m² ở xứ đồng Cầu Đường; 48m²

ở xứ đồng Nền Đình; 288m² ở xứ đồng Mả Lự; 146,4m² ở xứ đồng Cây Sòi; 528m² ở xứ đồng Cống.

Năm 2006, Nhà nước đã thu hồi diện tích 48m² ở Nền Đình, 288m² ở Mả Lự và 146,4m² ở Cây Sòi để xây dựng khu đô thị Bắc An Khánh và mở đường Láng – Hòa Lạc. Các dòng chữ ghi chú thêm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 429221 ngày 20/10/1999 của UBND huyện Hoài Đức là do cán bộ địa chính xã Song Phương ghi vào.

Năm 2013, ông và bà V đã cắt 336m² ở mảnh đất diện tích 528m² ở xứ đồng Cống cho con gái (chị Nguyễn Thị L). Chị L đã được cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích này.

Đối với các diện tích đất nông nghiệp bị Nhà nước thu hồi, hiện nay gia đình ông chưa được nhận bồi thường. Ông đã yêu cầu chia phần tài sản nhận bồi thường này tại cấp sơ thẩm, nhưng sau đó đã rút yêu cầu chia.

Trong quá trình Tòa án huyện Hoài Đức giải quyết vụ án, ông và bà V đã thống nhất cắt 336m² đất nông nghiệp trong tổng diện tích 1250,4m² cho con trai (anh Nguyễn Đình T) theo khẩu phần mà anh T được hưởng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 429221 ngày 20/10/1999 của UBND huyện Hoài Đức. Ông S đề nghị tòa án xem xét để anh T không phải chịu khoản án phí này vì đây là tiêu chuẩn đất nông nghiệp của anh.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà V, ông đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Đình T trình bày:

Anh là con của ông Nguyễn Đình S và bà Đỗ Thị V. Ngày 20/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức đã xét xử việc ly hôn giữa bố mẹ anh. Theo quyết định của Tòa, bố mẹ anh trước đây đã được giao 768m² đất nông nghiệp. Năm 2013, bố mẹ anh đã cắt cho chị gái anh (chị Nguyễn Thị L) 336m² đất nông nghiệp. Sau này, trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức giải quyết vụ án ly hôn giữa ông S và bà V, ông bà đã cắt diện tích 336m² đất nông nghiệp giao cho anh. Việc cắt đất này do bố mẹ anh thống nhất cắt cho anh theo tiêu chuẩn mà anh được hưởng. Còn lại 96m², Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức đã xử và quyết định chia cho ông S và bà V mỗi người hưởng diện tích 48m² đất nông nghiệp. Bản thân anh T không yêu cầu Tòa án chia đất, nay Tòa án huyện Hoài Đức lại xử giao đất cho anh và buộc anh phải chịu án phí là không đúng. Anh đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Luật sư Vũ Quang Bá - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông S trình bày:

Bà V có đơn kháng cáo nhưng tại biên bản ghi lời khai, bà V đã rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà V. Đối với đất nông nghiệp mà UBND huyện đã cấp cho hộ ông S gồm có vợ chồng ông và hai con. Trước đây ông S và bà V đã cắt theo tiêu chuẩn cho con gái (chị Nguyễn Thị L) 336m² và chị L đã được cấp giấy chứng nhận. Trong quá trình Tòa án huyện Hoài Đức đang giải quyết vụ án này thì ông S và bà V đã thống nhất trả lại tiêu chuẩn đất cho anh T là 336m². Bản thân anh T không yêu cầu Tòa án Hoài Đức chia tài sản, tuy nhiên quyết định của Tòa lại buộc anh phải chịu án phí, do đó đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét để anh T không phải chịu án phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo của Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nằm trong thời hạn kháng cáo nên chấp nhận.

Về nội dung:

Xét kháng cáo của của Bị đơn là bà V thì thấy rằng: Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức đã tổ chức buổi định giá theo đúng quy định của pháp luật. Bà V có mặt tại buổi định giá. Sau khi có kết quả định giá, bà không có thắc mắc hay khiếu nại gì. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà V có kháng cáo lên cấp phúc thẩm, nhưng sau đó bà đã rút toàn bộ kháng cáo. Tại phiên tòa hôm nay, bà V không rút kháng cáo nữa, nhưng cũng không nắm rõ được giá trị thực tế của đất đai tại địa phương để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Bà còn có yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án, tuy nhiên đây là yêu cầu vượt quá phạm vi kháng cáo. Do đó, không có căn cứ chấp nhận đối với kháng cáo của bà V.

Xét kháng cáo của anh T thì thấy rằng: Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho hộ ông S thì anh T là thành viên trong hộ gia đình được hưởng tiêu chuẩn đất nông nghiệp. Bản thân anh không yêu cầu chia. Mặt khác, ông S và bà V đều thống nhất trả lại tiêu chuẩn đất nông nghiệp cho anh. Việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chia cho anh và buộc anh phải chịu án phí là không đúng quy định, nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh và đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng anh T không phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Xét đơn kháng cáo của Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nằm trong thời hạn kháng cáo nên chấp nhận.

Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của bà Đỗ Thị V thì thấy rằng, trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức đã tổ chức buổi định giá và Hội đồng định giá đã làm việc theo đúng quy định của pháp luật. Bà V có mặt tại buổi định giá và đã được biết kết quả định giá, nhưng không có thắc mắc hay khiếu nại gì. Mặc dù có kháng cáo về kết quả định giá, nhưng bà V không biết giá trị đất đai tại địa phương để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà.

Xét kháng cáo của anh T thì thấy rằng, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho hộ ông S thì anh T là thành viên trong hộ gia đình được hưởng tiêu chuẩn đất nông nghiệp. Bản thân anh không yêu cầu Tòa án chia. Mặt khác, ông S và bà V đều thống nhất trả lại tiêu chuẩn đất nông nghiệp cho anh. Việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chia cho anh và buộc anh phải chịu án phí là không đúng quy định. Do đó, có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của anh T, sửa án sơ thẩm và không buộc anh phải chịu án phí sơ thẩm.

Về án phí: Anh Nguyễn Đình T không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm, bà Đỗ Thị V phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị V. Chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đình T. Sửa bản án sơ thẩm số 19/2017/HNGĐ-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Hà Nội và xử: Anh Nguyễn Đình T không phải chịu phải chịu 21.280.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Đình T không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại anh số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 7637 ngày 03/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, Hà Nội. Bà Đỗ Thị V phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 7638 ngày 03/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- VKSND Hà Nội;
- TAND huyện Hoài Đức, HN;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức, HN;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Quyết Thắng